

PHỤ BIỂU 1: TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số: 135/NQ-HĐND ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Lạng Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 dự kiến sau điều chỉnh tại Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 19/12/2024							Tăng, giảm							Kế hoạch trung hạn 2021-2025 trình thông qua tại Kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố Lạng Sơn khóa XXI, kỳ họp thứ Hai mươi ba							Ghi chú
		Số dự án	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...					Số dự án bổ sung	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...					Số dự án	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...					
				Vốn Đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước	Nguồn vốn Sử dụng đất	Xô số kiến thiết	Tăng thu - Tiết kiệm chi	Xã hội hóa			Vốn Đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước	Nguồn vốn Sử dụng đất	Xô số kiến thiết	Tăng thu - Tiết kiệm chi, thường vượt thu	Xã hội hóa			Vốn Đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước	Nguồn vốn Sử dụng đất	Xô số kiến thiết	Tăng thu - Tiết kiệm chi, thường vượt thu	Xã hội hóa	
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	TỔNG CỘNG	76	895.390	61.930	796.543	6.477	24.423	6.017	-3	45.543	0	0	0	45.543	0	73	940.933	61.930	796.543	6.477	69.966	6.017	
A	NHIỆM VỤ QUY HOẠCH	5	13.588		11.175		2.413			-4.769		-4.769				5	8.819	0	6.406	0	2.413	0	
B	CẤP THÀNH PHỐ (I+...+IV+V)	71	837.637	61.930	741.203	6.477	22.010	6.017	-3	50.312	0	4.769	0	45.543	0	68	887.949	61.930	745.972	6.477	67.553	6.017	
I	Danh mục chi tiết	59	693.853	50.282	617.217	6.477	13.860	6.017	4	88.384	11.648	31.193	0	45.543	0	63	782.237	61.930	648.410	6.477	59.403	6.017	
II	Danh mục chưa giao chi tiết	11	41.092	11.648	26.525	0	2.919		-7	-32.273	-11.648	-20.625			0	4	8.819	0	5.900	0	2.919	0	
III	Trích nộp quỹ đất	0	77.544	0	77.544	0	0	0								0	77.544	0	77.544	0	0	0	
IV	Đo đạc chỉnh lý, đo vẽ lại bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy CNQSD đất	1	23.648	0	19.917	0	3.731	0		-5.799		-5.799				1	17.849	0	14.118	0	3.731	0	
V	Kinh phí ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay vốn tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm trên địa bàn		1.500	0	0	0	1.500	0								0	1.500	0	0	0	1.500	0	
C	CẤP XÃ		44.165		44.165	0	0	0								0	44.165	0	44.165	0	0	0	

PHỤ BIỂU 2: CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 (CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN ĐẦU TƯ)

(Kèm theo Nghị quyết số: 135/NQ-HĐND ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Lạng Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chuyển sang thực hiện/ bổ sung	Nhóm dự án	Năng lực thiết kế	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020				Kế hoạch trung hạn 2021-2025 dự kiến sau điều chỉnh tại Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 19/12/2024				Tăng, giảm			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 dự kiến sau điều chỉnh				Ghi chú	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ngân sách cấp huyện		Vốn Đầu tư XD/CB TT	Nguồn vốn Sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Vốn Đầu tư XD/CB TT	Nguồn vốn Sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Vốn Đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước	Nguồn vốn Sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Vốn Đầu tư XD/CB TT	Nguồn vốn Sử dụng đất		Xổ số kiến thiết
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24			
	CẤP THÀNH PHỐ (A+B)	3	65	0	65	0	0	1.335.782	1.148.155	229.983	21.701	139.774	2.585	719.181	59.430	653.274	6.477	18.160	2.500	15.660	0	737.341	61.930	668.934	6.477	
A	QUY HOẠCH	0	4		4			13.399	11.180	0	0	0	0	11.175	0	11.175	0	-4.769	0	-4.769	0	6.406	0	6.406	0	
1	Kinh phí lập Quy hoạch phân khu phía Tây Bắc thành phố Lạng Sơn, tỷ lệ 1/2.000		QH	QH	TPLS	2024-2025	1630/QĐ-UBND ngày 11/7/2023	4.280	3.365					3.365		3.365		-835		-835		2.530		2.530		Theo đề xuất của chủ đầu tư
2	Kinh phí lập Quy hoạch phân khu phía Tây Nam thành phố Lạng Sơn, tỷ lệ 1/2.000		QH	QH	TPLS	2024-2026	1652/QĐ-UBND ngày 13/7/2023	5.944	4.640					4.640		4.640		-1.069		-1.069		3.571		3.571		Theo đề xuất của chủ đầu tư
3	Kinh phí lập Quy hoạch phân khu Khu vực trung tâm thành phố Lạng Sơn, tỷ lệ 1/2.000		QH	QH	TPLS	2024-2027	324/QĐ-UBND ngày 15/02/2024	1.952	1.952					1.950		1.950		-1.697		-1.697		253		253		Theo đề xuất của chủ đầu tư
4	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 một số phường xã, thành phố Lạng Sơn		QH	QH	TPLS	2024-2028		1.223	1.223					1.220		1.220		-1.168		-1.168		52		52		Theo đề xuất của chủ đầu tư
B	DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	3	60		60			1.322.383	1.101.177	212.702	21.701	122.493	2.585	688.089	59.430	622.182	6.477	28.728	2.500	26.228	0	716.817	61.930	648.410	6.477	
I	Thực hiện dự án (1) + (2)							1.322.383	1.101.177	212.702	21.701	122.493	2.585	688.089	59.430	622.182	6.477	28.728	2.500	26.228	0	716.817	61.930	648.410	6.477	
I.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025							486.300	419.661	201.358	21.701	111.149	2.585	197.481	27.182	163.821	6.477	5.023	0	5.023	0	202.504	27.182	168.844	6.477	-
(1)	Dự án đã hoàn thành trước ngày 31/12/2020							100.696	34.891	90.531	21.701	2.907	0	993	671	322	0	2.240	0	2.240	0	3.233	671	2.562	0	
	Giáo dục																				0		0			
1	Trường mầm non Hoa Sữa		C	GD	TT	2017-2020	QĐ số 4057/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	32.533	32.533	24.608	21.701	2.907		875	671	204						875	671	204		Bổ sung KHV thực hiện GPMB; đã quyết toán hạng mục xây dựng và các chi phí khác
	Hạ tầng kỹ thuật																				0	0	0			
2	Tiểu khu tái định cư khối 2, phường vĩnh trại, thành phố Lạng Sơn		C	HTKT	VT	2004	1924/QĐ-UB-XD ngày 08/12/2004; Quyết định số 1569/QĐ-UBND	68.163	2.358	65.923				118		118		2.240		2.240		2.358	0	2.358		

STT	Danh mục dự án	Chuyển sang thực hiện/ bổ sung	Nhóm dự án	Năng lực thiết kế	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020				Kế hoạch trung hạn 2021-2025 dự kiến sau điều chỉnh tại Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 19/12/2024				Tăng, giảm				Kế hoạch trung hạn 2021-2025 dự kiến sau điều chỉnh				Ghi chú
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ngân sách cấp huyện		Vốn Đầu tư XDCB TT	Nguồn vốn Sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Vốn Đầu tư XDCB TT	Nguồn vốn Sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Vốn Đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước	Nguồn vốn Sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Vốn Đầu tư XDCB TT	Nguồn vốn Sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
1	2				3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025							385.604	384.770	110.827	0	108.242	2.585	196.488	26.511	163.500	6.477	2.783	0	2.783	0	199.271	26.511	166.283	6.477	
	Y tế																					0	0	0		
3	Trạm Y tế xã Mai Pha		C	YT	MP	2020-2022	2941/QĐ-UBND ngày 01/12/2020	4.057	4.057	2.167		1.167	1.000	1.700			1.700					1.700	0	0	1.700	
4	Trạm y tế phường Tam Thanh		C	YT	TT	2019 - 2022	3707a/QĐ-UBND ngày 25/9/2019	5.751	5.751	173		173		4.678		4.678		50		50		4.728	0	4.728		Bổ sung vốn theo tờ trình thẩm tra phê duyệt quyết toán số 85/TTr-QLDA ngày 17/4/2025
	Giáo dục													0								0	0	0		
5	Trường Mầm non xã Hoàng Đồng		C	GD	HD	2019-2022	310/QĐ-UBND ngày 12/02/2020	42.867	42.867	18.505	-	16.920	1.585	19.210	10.800	8.410						19.210	10.800	8.410		
6	Cải tạo nâng cấp trường tiểu học Hoàng Văn Thụ		C	GD	HVT	2020-2022	3526a/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	11.147	11.147	2.800		2.800		7.997	247	7.750						7.997	247	7.750		
7	Xây dựng nhà bếp trường tiểu học Quảng Lạc		C	GD	QL	2020-2021	3031/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	1.066	1.066	400		400		647	0	647	0					647	0	647		
8	Trường Mầm non 19/5		C	GD	CL	2021-2023	2150/QĐ-UBND ngày 05/8/2021	28.828	28.828	-				27.551	5.419	21.132	1.000					27.551	5.419	21.132	1.000	
9	Xây dựng nhà 12 lớp học trường mầm non 8/3		C	GD	CL	2021-2023	1939/QĐ-UBND ngày 21/7/2021	14.901	14.901	-				14.195	5.858	4.560	3.777					14.195	5.858	4.560	3.777	
	Quản lý nhà nước																					0	0	0		
10	Trụ sở xã Mai Pha		C	QLNN	MP	2020-2021	2985/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	12.754	11.920	1.000	-	1.000		9.825	4.187	5.638	0					9.825	4.187	5.638		Vốn NTM 834tr (2022)
	Thủy lợi																					0	0	0		
11	Kê suối Lao Ly		B	NNPTN T, cấp IV	TPLS	2018-2022	4125/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	85.616	85.616	39.029		39.029		26.430	0	26.430	0					26.430	0	26.430		
	Hạ tầng kỹ thuật																					0	0	0		
12	Tiểu khu tái định cư khối 9, phường Vĩnh Trại		C	HTKT, cấp IV	VT	2017-2022	4102/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 1740/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	29.698	29.698	3.283		3.283		21.631	0	21.631	0					21.631	0	21.631		
13	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và dân cư Mỹ Sơn		C	HTKT, cấp IV	VT	2020-2023	1992/QĐ-UBND ngày 20/9/2020	29.947	29.947	584		584		27.213	0	27.213	0	2.733		2.733		29.946	0	29.946		
14	Khuôn viên cây xanh phía Nam cầu Kỳ Cùng		C	HTKT, cấp IV	CL	2019 - 2021	3284 /QĐ-UBND ngày 09/8/2019	6.269	6.269	2.348		2.348		2.003	0	2.003	0					2.003	0	2.003		

STT	Danh mục dự án	Chuyển sang thực hiện/ bổ sung	Nhóm dự án	Năng lực thiết kế	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 dự kiến sau điều chỉnh tại Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 19/12/2024			Tăng, giảm			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 dự kiến sau điều chỉnh			Ghi chú					
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...						
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ngân sách cấp huyện		Vốn Đầu tư XDCB TT	Nguồn vốn Sử dụng đất		Xổ số kiến thiết	Vốn Đầu tư XDCB TT		Nguồn vốn Sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Vốn Đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước		Nguồn vốn Sử dụng đất	Xổ số kiến thiết			
1	2				3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
15	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khối 8, phường Đông Kinh		C	HTKT, cấp IV	ĐK	2018 - 2022	1065/QĐ-UBND ngày 09/5/2022	24.272	24.272	5.437		5.437		14.419	0	14.419	0					14.419	0	14.419		
16	Khu đô thị Phú Lộc IV- Điểm TĐC tiếp giáp nút giao thông số 4		C	HTKT	HVT	2014- 2019	1047 /QĐ-UBND ngày 06/6/2019	40.167	40.167	18.662		18.662		600	0	600	0					600	0	600		
17	Cải tạo, nâng cấp ao Hang Hùi, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn		C	Hạ tầng kỹ thuật	TT	2019- 2022	4109/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; QĐ 1201/QĐ-UBND ngày 07/5/2021	8.416	8.416	3.400		3.400		3.574	0	3.574	0					3.574	0	3.574		
	Danh thắng, du lịch																					0	0	0		
18	Chỉnh trang cảnh quan Thành Nhà Mạc		C	HTKT	TT	2020- 2021	2784/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	13.028	13.028	8.248		8.248		4.220	0	4.220	0					4.220	0	4.220		
19	Cải tạo, mở rộng cảnh quan khuôn viên trước cửa hang Tam Thanh, Phường Tam Thanh		C	HTKT	TT	2019 - 2021	4315a/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	11.331	11.331	4.491		4.491		3.695	0	3.695	0	0		0		3.695	0	3.695		
20	Tu bổ di tích danh thắng Động Chùa Tiên - Giếng Tiên, tỉnh Lạng Sơn		C	DT	CL	2020- 2022	2650/QĐ-UBND ngày 18/12/2020	6.912	6.912	300		300		5.916	0	5.916	0					5.916	0	5.916		
	Giao Thông																					0	0	0		
21	Chỉnh trang cải tạo vỉa hè đường Lê Đại hành đường phai vệ địa phận Phường Vĩnh Trại		C	GT	VT	2020- 2021	3686a/QĐ-UBND ngày 19/9/2019	1.269	1.269					228		228						228	0	228		419/QĐ-UBND ngày 25/02/2022
22	Chỉnh trang cải tạo vỉa hè đường Lê Đại hành, đường phai vệ địa phận Phường Đông Kinh		C	GT	ĐK	2020- 2021	3654a/QĐ-UBND ngày 17/9/2019	1.938	1.938					373		373						373	0	373		420/QĐ-UBND ngày 25/02/2022
23	Cải tạo chỉnh trang vỉa hè các tuyến đường Cửa Nam Phường Chi Lăng		C	GT	CL	2020- 2021	3797a/QĐ-UBND ngày 30/9/2019	5.370	5.370					381		381						381	0	381		421/QĐ-UBND ngày 25/02/2022
I.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025							836.083	681.516	11.344	0	11.344	0	490.609	32.248	458.361	0	23.705	2.500	21.205	0	514.314	34.748	479.566	0	
	Giáo dục																					0		0		
24	Nâng cấp, cải tạo trường THCS Hoàng Đồng		C	DD, cấp III	HD	2023- 2025	1627/QĐ-UBND ngày 10/7/2023	14.932	14.932					14.837	3.097	11.740	0					14.837	3.097	11.740		
25	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Quảng Lạc đạt chuẩn quốc gia mức độ 2		C	DD, cấp III	QL	2022- 2023	3023a/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	8.839	7.176					6.602	4.000	2.602	0					6.602	4.000	2.602		Vốn NTM 835trđ (2022); 828trđ (2023)

STT	Danh mục dự án	Chuyển sang thực hiện/ bổ sung	Nhóm dự án	Năng lực thiết kế	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 dự kiến sau điều chỉnh tại Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 19/12/2024			Tăng, giảm			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 dự kiến sau điều chỉnh				Ghi chú				
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ngân sách cấp huyện		Vốn Đầu tư XDCB TT	Nguồn vốn Sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Vốn Đầu tư XDCB TT	Nguồn vốn Sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Vốn Đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước	Nguồn vốn Sử dụng đất	Xổ số kiến thiết			Vốn Đầu tư XDCB TT	Nguồn vốn Sử dụng đất	Xổ số kiến thiết
1	2				3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
26	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Mai Pha		C	DD, cấp III	MP	2023-2024	2714/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	14.535	13.707					12.903	3.379	9.524	0					12.903	3.379	9.524		Vốn NTM 828trđ (2023); 909trđ (2024)
27	Cải tạo, mở rộng trường Mầm non Mai Pha		C	DD	MP	2023-2024	2649/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	11.262	11.262					10.662	7.000	3.662	0					10.662	7.000	3.662		
28	Cải tạo, mở rộng điểm trường Bàn Nhàng, trường tiểu học Quảng Lạc		C	GD	QL	2023-2024	1424/QĐ-UBND ngày 14/6/2023	9.667	8.759					8.220	1.000	7.220	0					8.220	1.000	7.220		Vốn NTM 909trđ (2024)
29	Xây mới trường Tiểu học Chi Lăng 2	CS	C	GD	CL	2025-2027	12/QĐ-UBND ngày 06/01/2025	94.629	94.629					12.843	9.148	3.695	0	17.629	3.316	14.313		30.472	12.464	18.008		Chuyển sang danh mục khởi công mới
	Y tế																					0	0	0		
30	Dự án thành phần số 11: Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo trạm y tế tuyến xã trên địa bàn thành phố		C	YT	TPLS	2023-2024	NQ số 09/NQ-HĐND ngày 19/4/2023	8.300	300					296		296						296	0	296		
	Lĩnh vực văn hóa - xã hội																					0	0	0		
31	Nhà văn hoá thôn Hoàng Tân, xã Hoàng Đồng		C	VH	HĐ	2022-2023	1174a/QĐ-UBND ngày 19/5/2022	2.308	2.308	-				1.387	0	1.387	0					1.387	0	1.387		Vốn NTM 834tr (2022)
32	Cải tạo, mở rộng cảnh quan khuôn viên trước cửa hang Chùa Tiên		C	HTKT cấp IV	CL	2022-2024	1809 ngày 26/7/2022	21.423	21.423					19.202	0	19.202	0	100		100		19.302	0	19.302	0	Dự án đã quyết toán hạng mục xây dựng, đề xuất bs vốn theo giá trị dự kiến quyết toán GPMB
33	Nhà văn hoá, sân thể thao thôn Quảng Trung 3, xã Quảng Lạc		C	VH	QL	2022-2023	1469/QĐ-UBND ngày 20/6/2023	1.950	1.950					1.873	0	1.873	0	0		0		1.873	0	1.873	0	Giảm theo QĐ phê duyệt quyết toán số 3173/QĐ-UBND ngày 30/12/2024
	Lĩnh vực QLNN																					0	0	0		
34	Nâng cấp cải tạo hội trường Thành uỷ - UBND thành phố		C	QLNN	VT	2024-2025	2584/QĐ-UBND ngày 15/10/2024	12.666	12.666					9.800	0	9.800	0					9.800	0	9.800		
35	Hỗ trợ xây dựng Trụ sở công an xã Quảng Lạc		C	QLNN	QL	2024-2025	830/QĐ-UBND ngày 09/4/2024	3.993	3.993					3.990	0	3.990	0					3.990	0	3.990		
	Giao thông																					0	0	0		
36	Cải tạo, chỉnh trang via hè Trần Hưng Đạo		C	Giao thông, cấp IV	CL	2021-2022	153a/QĐ-UBND ngày 19/1/2021	5.213	5.213	-				4.952	0	4.952	0					4.952	0	4.952		
37	Cải tạo, chỉnh trang via hè đường Hùng Vương		C	GT, cấp IV	CL	2020-2022	1051/ ngày 04/6/2020; 1207a/ ngày 10/5/2021	12.413	12.413	8.940		8.940		3.086	0	3.086	0					3.086	0	3.086		
38	Hỗ trợ xi măng làm đường GTNT		C	GT	TPLS	2021-2025		5.000	5.000					4.624	4.624		0	-816	-816			3.808	3.808	0		

STT	Danh mục dự án	Chuyển sang thực hiện/ bổ sung	Nhóm dự án	Năng lực thiết kế	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 dự kiến sau điều chỉnh tại Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 19/12/2024				Tăng, giảm				Kế hoạch trung hạn 2021-2025 dự kiến sau điều chỉnh				Ghi chú		
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ngân sách cấp huyện		Vốn Đầu tư XDCB TT	Nguồn vốn Sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Vốn Đầu tư XDCB TT	Nguồn vốn Sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Vốn Đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước	Nguồn vốn Sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Vốn Đầu tư XDCB TT		Nguồn vốn Sử dụng đất	Xổ số kiến thiết
1	2				3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
39	Xây dựng các tuyến đường đối ngoại giáp Nhà ở xã hội 2 và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư liên kề, thành phố Lạng Sơn		C	GT, cấp IV	ĐK, MP	2021-2025	3628/QĐ-UBND ngày 28/9/2021; 2392/QĐ-UBND ngày 18/9/2024	23.488	23.488	-				23.489	0	23.489	0					23.489	0	23.489		Đã DC CTĐT
40	Nút giao thông số 7A Khu TĐC Phú Lộc IV		C	Giao thông cấp III	VT	2022-2023	1037/QĐ-UBND ngày 06/5/2022	21.572	3.072	-				2.510	0	2.510	0					2.510	0	2.510		
41	Chỉnh trang, cải tạo vỉa hè các đường Lê Lợi (đoạn từ Trần Đăng Ninh đến Bà Triệu); đường Bà Triệu (từ đường Lê Lợi đến Lý Thái Tổ)		C	GT	VT	2019-2022	5373/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	8.937	8.937	1.279		1.279		41	0	41	0					41	0	41		
42	Chỉnh trang hệ thống vỉa hè điện chiếu sáng, trang trí phường Chi Lăng		C	GT	CL	2023-2025	3081/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	50.638	50.638	-				48.344	0	48.344	0	-3.536		-3.536		44.808	0	44.808		Tổng dự toán (44.808 triệu đồng) thấp hơn TMĐT, nhu cầu vốn giảm
43	Cải tạo, mở rộng mặt đường giao thông vào thôn Tăng Khảm, xã Hoàng Đồng		C	GT	HĐ	2023-2025	2257/QĐ-UBND ngày 19/9/2023	5.782	5.782					4.571	0	4.571	0	-1.200		-1.200		3.371	0	3.371		Dự án vướng mắc GPMB, giảm quy mô thực hiện; 909 triệu đồng NTM
44	Mở mới đường liên thôn Nà Sèn-Đồi Chè và nâng cấp, mở rộng đường thôn Đồi Chè, xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn		C	GT	HĐ	2023-2025	2220/QĐ-UBND ngày 14/9/2023	7.007	7.007					6.870	0	6.870	0	-700		-700		6.170	0	6.170		Dự án vướng mắc GPMB, giảm quy mô thực hiện
45	Cải tạo mặt đường và hệ thống thoát nước đường Lê Hồng Phong (đoạn từ Trần Đăng Ninh đến Ngã 6), phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn		C	GT	TT	2024-2025	659/QĐ-UBND ngày 19/3/2024	9.975	9.975					9.975	0	9.975	0	-1.262		-1.262		8.713	0	8.713		Giảm theo QĐ phê duyệt quyết toán số 1387/QĐ-UBND ngày 16/5/2025
46	Mở rộng đường Tổ Sơn, phường Chi Lăng		C	GT	CL	2024-2025	2047/QĐ-UBND NGÀY 07/8/2024	820	820					820		820						820	0	820		
47	Đường Lương Văn Tri (đoạn Bắc Sơn - Bà Triệu)	CS	C	GT	HVT	2025-2027	483/QĐ-UBND NGÀY 27/02/2025	14.993	14.993					1.070	0	1.070		0		0		1.070	0	1.070		Chuyển sang danh mục khởi công mới
48	Cải tạo, chỉnh trang nút giao thông ngã tư đường Lý Thường Kiệt với đường Trần Phú (Khu đô thị Phú Lộc IV)	CS	C	GT	HVT	2025-2026	975/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	19.975	19.975					200	0	200		12.162		12.162		12.362	0	12.362		Chuyển sang danh mục khởi công mới
	Chỉnh trang đô thị																				0	0	0			
49	Cải tạo, chỉnh trang khuôn viên Hồ Phai Loạn		C	HTKT, cấp IV	TT	2021-2023	3262/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	73.577	73.577	300		300		62.015	0	62.015	0					62.015	0	62.015		

STT	Danh mục dự án	Chuyển n sang thực hiện/ bổ sung	Nhóm dự án	Năng lực thiết kế	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020				Kế hoạch trung hạn 2021-2025 dự kiến sau điều chỉnh tại Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 19/12/2024				Tăng, giảm				Kế hoạch trung hạn 2021-2025 dự kiến sau điều chỉnh				Ghi chú
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ngân sách cấp huyện		Vốn Đầu tư XDCB TT	Nguồn vốn Sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Vốn Đầu tư XDCB TT	Nguồn vốn Sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Vốn Đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước	Nguồn vốn Sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Vốn Đầu tư XDCB TT	Nguồn vốn Sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
1	2				3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
50	Công viên bờ sông Kỳ Cùng (đoạn từ cầu Đông Kinh đến đối diện khách sạn Đông Kinh), thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn)		B	HTKT, cấp IV	ĐK	2021- 2024	1354/QĐ-UBND ngày 10/7/2021	214.365	104.597	-				75.407	0	75.407	0	-945		-945		74.462	0	74.462	0	Dự án đã cơ bản hoàn thành, không có nhu cầu vốn 2025
51	Hệ thống thoát nước cho Khu đô thị mới phía Đông, thành phố Lạng Sơn		C	HTKT, cấp IV	TT	2020- 2022	2438/QĐ-UBND ngày 30/9/2020	29.800	14.900	600		600		15.183	0	15.183	-					15.183	0	15.183		Thực hiện TB số 250/TB-KVX của KTNN, chuyển biểu 05 vốn góp
52	Nạo vét, thanh thái lòng suối Ngọc Tuyền, bê láng (đoạn từ cửa trước hang Tam Thanh đến cửa trước hang Nhị Thanh)		C	HTKT, cấp IV	TT	2021- 2022	4042/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	2.744	2.744	-				2.595	0	2.595	-					2.595	0	2.595		
53	Công viên phía Nam cầu 17/10, thành phố Lạng Sơn		C	HTKT	MP	2023- 2025	0	14.900	14.900	-	-	-	-	13.702	0	13.702	-					13.702	0	13.702		
54	Cải tạo, nâng cấp đèn chiếu sáng hiện hữu bằng đèn Led tiết kiệm năng lượng trên địa bàn thành phố Lạng Sơn		C	HTKT	CL	2022- 2024	1287/QĐ-UBND ngày 26/5/2023	58.270	58.270					57.398	0	57.398	-	-2.558		-2.558		54.840	0	54.840		Giảm theo QĐ phê duyet quyết toán số 114/QĐ-UBND ngày 21/01/2025
	Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị																				0	0	0			
55	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khối 9, phường Vĩnh Trại (Ao Cạn - Bãi Than)		C	HTKT, cấp IV	VT	2021- 2022	3207/QĐ-UBND ngày 28/12/2020	4.322	4.322	125		125		4.198	0	4.198	0					4.198	0	4.198		
56	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Trần Quang Khải, phường Chi Lăng		C	HTKT, cấp IV	CL	2021- 2023	4130/QĐ-UBND ngày 05/11/2021	30.420	30.420	-				30.420	0	30.420	0	4.642		4.642		35.062	0	35.062		Chưa DT CTBT
	Chợ																				0	0	0			
57	Xây mới Chợ Mai Pha, thành phố Lạng Sơn		C	Chợ	MP	2024- 2025	337/QĐ-UBND ngày 21/02/2024,691/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	3.685	3.685					3.496	0	3.496	0	189		189		3.685	0	3.685		Bổ sung KHV theo QĐ phê duyệt điều chỉnh BC KT_KT số 691/QĐ-UBND ngày 20/3/2025
	Di tích													0							0	0	0			
58	Tu bổ di tích khảo cổ học xã Mai Pha, tỉnh Lạng Sơn		C	DT	MP	2021- 2022	2589/QĐ - UBND ngày 14/12/2020	4.581	4.581	100		100		3.817	0	3.817	0					3.817	0	3.817		
	An ninh - Quốc phòng													0							0	0	0			

STT	Danh mục dự án	Chuyển sang thực hiện/ bổ sung	Nhóm dự án	Năng lực thiết kế	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020				Kế hoạch trung hạn 2021-2025 dự kiến sau điều chỉnh tại Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 19/12/2024				Tăng, giảm				Kế hoạch trung hạn 2021-2025 dự kiến sau điều chỉnh				Ghi chú
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ngân sách cấp huyện		Vốn Đầu tư XDCB TT	Nguồn vốn Sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Vốn Đầu tư XDCB TT	Nguồn vốn Sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Vốn Đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước	Nguồn vốn Sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Vốn Đầu tư XDCB TT	Nguồn vốn Sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
1	2				3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
59	Hỗ trợ xây dựng Trụ sở công an xã Mai Pha		C	DD	MP	2021-2022	1850/QĐ-UBND ngày 13/7/2021	3.964	3.964	-				3.920	0	3.920	0					3.920	0	3.920		
60	Hỗ trợ xây dựng Trụ sở công an xã Hoàng Đồng		C	DD	HD	2023-2025	3037/QĐ-UBND ngày 14/11/2021	5.140	5.140	-				5.290	0	5.290	0					5.290	0	5.290		
C	Công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên		1		1				35.799	17.281	-	17.281	-	19.917	-	19.917	0	-5.799	0	-5.799	0	14.118	0	14.118		
1	Dự án Đo đạc chỉnh lý, đo vẽ lại bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy CNQSD đất		C		TPLS		249/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 3592/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	35.799	35.799	17.281		17.281		19.917	0	19.917	0	-5.799		-5.799		14.118		14.118		

PHỤ BIỂU 3: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 (CÁC DỰ ÁN ĐTXD CHƯA HOÀN THIỆN THỦ TỤC ĐẦU TƯ)

(Kèm theo Nghị quyết số: 135/NQ-HĐND ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Lạng Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Giám dự án	Loại công trình	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 dự kiến sau điều chỉnh tại Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 19/12/2024				Tăng, giảm				Kế hoạch trung hạn 2021-2025 dự kiến sau điều chỉnh...				Lý do đề xuất điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ngân sách cấp huyện		Vốn Đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước	Nguồn vốn Sử dụng đất	Xô số kiến thiết		Vốn Đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước	Nguồn vốn Sử dụng đất	Xô số kiến thiết		Vốn Đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước	Nguồn vốn Sử dụng đất	Xô số kiến thiết		
1	2		3	4	5	6	7	15	16	17	18	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I	DANH MỤC DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	4	4			108.070	104.002	24.060	2.500	21.560	-	-18.160	-2.500	-15.660	0	5.900	0	5.900	0		
a)	Giáo dục																				
	Cải tạo, nâng cấp trường Mầm non Liên Cơ	1	GD	2025-2027		3.768	2.800	2.800	2.500	300		-2.800	-2.500	-300		0	0	0		Dự án chưa đủ điều kiện để trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư do chưa phù hợp với quy hoạch xây dựng chi tiết 1/500, chưa phù hợp với khả năng cân đối vốn theo TB số 321/TB-HĐTD ngày 18/4/2025	Giám dự án
b)	Văn hóa															0	0	0			
1	Nhà văn hóa thôn Quảng Tiến 2, xã Quảng Lạc, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn		VH	2024-2025		3.980	3.980	2.500	0	2.500						2.500	0	2.500			Số vốn còn lại chuyển giai đoạn 2026-2030
2	Xây dựng Nhà văn hóa và sân thể thao thôn Pàn Pè, xã Hoàng Đồng		VH	2024-2025		3.000	3.000	1.500	0	1.500						1.500	0	1.500			
c)	Quản lý nhà nước						-	0	0	0						0	0	0			
	Hỗ trợ Xây mới trụ sở Công an phường Hoàng Văn Thụ		QLNN	2024-2025		6.200	3.100	2.900	0	2.900		-1.300		-1.300		1.600	0	1.600		Tạm dừng thực hiện đầu tư do sắp xếp lại ĐVHC	Giảm vốn 2025; vốn 2024 đã phân bổ
	Xây mới trụ sở Khối dân vận thành phố Lạng Sơn		QLNN	2025-2027		30.000	30.000	6.060	0	6.060		-5.760		-5.760		300	0	300		Tạm dừng thực hiện đầu tư do sắp xếp lại ĐVHC	Giảm vốn 2025; vốn 2024 đã phân bổ
d)	Công trình hạ tầng kỹ thuật							0	0	0						0	0	0			
	Xây dựng khu dân cư và cải tạo hệ thống thoát nước từ đường Đèo Giang đến cầu Ba Tỏa	1	GT, HTKT	2024-2025		26.622	26.622	800	0	800		-800		-800		0	0	0		Dự án vướng mắc điều chỉnh quy hoạch	Giám dự án
d)	Giao thông							0	0							0	0	0			

STT	Danh mục dự án	Giảm dự án	Loại công trình	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 dự kiến sau điều chỉnh tại Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 19/12/2024				Tăng, giảm				Kế hoạch trung hạn 2021-2025 dự kiến sau điều chỉnh...				Lý do đề xuất điều chỉnh	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn...				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ngân sách cấp huyện		Vốn Đầu tư xây dựng cơ bản trong nước	Nguồn vốn Sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Vốn Đầu tư xây dựng cơ bản trong nước	Nguồn vốn Sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Vốn Đầu tư xây dựng cơ bản trong nước	Nguồn vốn Sử dụng đất			Xổ số kiến thiết
1	2		3	4	5	6	7	15	16	17	18	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
2	Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè, đường nội bộ và hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư, dân cư khối 2 phường Vĩnh Trại	1	GT	2025		7.000	7.000	7.000	0	7.000		-7.000		-7.000		0	0	0		Đề nghị giảm vốn do Thực hiện Công văn số 471/UBND-KTCN ngày 25/3/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc đồng ý chủ trương điều chỉnh dự án Tiểu khu tái định cư khối 2. Dẫn đến Trùng lập dự án không phù hợp Luật đầu tư công	Giảm dự án
e)	Quân sự							0	0			0				0	0	0			
1	Dự án TP01	1	QS	2026-2028		27.500	27.500	500	0	500		-500		-500		0	0	0		Tạm dừng thực hiện đầu tư do sắp xếp lại ĐVHC	Giảm dự án

[illegible]

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 19/12/2024	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 sau bổ sung			Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					Tổng số	Trong đó: phần vốn NSDP	Tổng số	
								Tổng số	Trong đó: phần vốn NSDP		Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Cải tạo, chỉnh trang nút giao thông ngã tư đường Lý Thường Kiệt với đường Trần Phú (Khu đô thị Phú Lộc IV)			HTKT		2025-2026	975/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	19.975	19.975	-	2.829		2.829			Ban QLDA ĐTXD thành phố

